TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2018/LĐ-ST
Ngày: 29/11/2018
V/v tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và tiền lương

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2018/TLST-LĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 538/2018/QĐXXST-LĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 459/2018/QĐST-LĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp N, xã T, huyện Sơn, tỉnh G.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: 125/14L đường K, Phường B, Quận T, Thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/4/2018); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn B; địa chỉ trụ sở: Đường 2B, Lô B, Khu Công nghiệp V, phường H, quận Bn, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Park Kye H; địa chỉ nơi cư trú

cuối cùng: Lô D, P Chung cư Thái An 2, đường Q, phường Đ, Quận M, Thành phố H; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2018 của nguyên đơn - Bà Ngô Thị T; bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ông Dương Văn T trình bày:

Bà Ngô Thị T làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn B (gọi tắt là Công ty) từ ngày 04/3/2004 đến ngày 12/02/2018, các bên thỏa thuận về nội dung lao động: Hình thức trả lương bằng tiền mặt 01 lần vào ngày 10 dương lịch hàng tháng; tiền thưởng: Làm việc đủ 01 năm thì được hưởng 01 tháng lương vào dịp tết nguyên đán, chế độ nghỉ phép là 14 ngày phép/01năm; chế độ nâng lương theo quy định.

Mức lương của bà T từ tháng 6/2017 đến tháng 12/2017 là 4.213.000 đồng/tháng, mức lương tháng 01/2018 là 4.472.000 đồng/tháng. Đến giữa tháng 02/2018 Công ty B đã ngừng hoạt động.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2018, bà T có yêu cầu Công ty chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội nhưng thực tế bà T đã được nhận lại sổ bảo hiểm. Ngày 20/7/2018, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị rút lại yêu cầu này.

Hiện Công ty còn nợ nghĩa vụ đóng các độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho bà T trong giai đoạn từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018, với số tiền nợ gốc là 9.108.706 đồng. Đồng thời, Công ty cũng còn nợ bà T các khoản tiền gồm: 70% tiền lương ngưng việc trong tháng 10/2017 với số tiền 1.587.977 đồng; 08 ngày công làm việc trong tháng 02/2018 (tính đến ngày 12/02/2018) với số tiền là 2.365.073 đồng; 16 ngày tiền phép năm của năm 2017 với số tiền 2.592.615 đồng và tiền thưởng năm 2017 với số tiền 4.213.000 đồng. Bà T yêu cầu Công ty phải thực hiện các nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ cụ thể trên, khi bản án có hiệu lực với tổng số tiền là 19.867.371 đồng.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án, bị đơn không đến, do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên Tòa:

Bị đơn vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về Thủ tục tố tụng: Các văn bản tố tụng của Tòa án đều được tống đạt cho đương sự theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng

quy định của pháp luật; thời hạn đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo thời hạn quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn - Bà Ngô Thị T, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp về lao động "Tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và tiền lương". Bị đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn B có trụ sở tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về điều kiện khởi kiện:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn có tranh chấp về tiền lương, căn cứ theo Điều 201 Bộ luật lao động năm 2012 và Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định một số loại việc tranh chấp bắt buộc phải qua hòa giải cơ sở. Căn cứ vào biên bản hòa giải không thành về tranh chấp lao động lập ngày 17/4/2018 của Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội quận Bình Tân thì việc khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định nên nguyên đơn đủ điều kiện khởi kiện.

3. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Phiên tòa xét xử vụ án được mở vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 12/11/2018 và 13 giờ 30 phút ngày 29/11/2018, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn để thông báo về thời gian và địa điểm xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Ngày 23/10/2018, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Ngày 20/7/2018, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị rút lại yêu cầu chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Nguyên đơn xác định, bắt đầu làm việc tại Công ty từ ngày 04/3/2004 đến ngày 12/02/2018, các bên có thỏa thuận về nội dung lao động: Hình thức trả

lương bằng tiền mặt 01 lần vào ngày 10 dương lịch hàng tháng; tiền thưởng: Làm việc đủ 01 năm thì được hưởng 01 tháng lương vào dịp tết nguyên đán, chế độ nghỉ phép là 14 ngày phép/01năm; chế độ nâng lương theo quy định.

Mức lương của bà T từ tháng 6/2017 đến tháng 12/2017 là 4.213.000 đồng/tháng, mức lương tháng 01/2018 là 4.472.000 đồng/tháng. Đến giữa tháng 02/2018 Công ty B đã ngừng hoạt động.

Nguyên đơn căn cứ vào bảng tính 70% lương ngưng việc tháng 10/2017; bảng tính lương tháng 02/2018 (tính đến ngày 12/02/2018); bảng tính lương phép năm của năm 2017; bảng tính tiền thưởng của năm 2017, yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ đóng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn cho nguyên đơn trong giai đoạn từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018, với số tiền nợ gốc là 9.108.706 đồng. Đồng thời, thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 10.758.665 đồng, bao gồm: 70% tiền lương ngưng việc trong tháng 10/2017 với số tiền 1.587.977 đồng; 08 ngày công làm việc trong tháng 02/2018 với số tiền là 2.365.073 đồng; 16 ngày tiền phép năm của năm 2017 với số tiền 2.592.615 đồng; tiền thưởng năm 2017 với số tiền 4.213.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán tất cả các khoản nợ trên, khi bản án có hiệu lực với tổng số tiền là 19.867.371 đồng.

Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về giao nộp tài liệu, chứng cứ: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; nếu đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ…..thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập được….để giải quyết vụ án.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh."*

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng, trong đó các thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã ghi rõ nội dung yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thanh toán các khoản tiền nêu trên. Như vậy bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình.

Xét yêu cầu thanh toán các khoản tiền nợ bảo hiểm: Tại khoản 1, 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động là phải đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 luật bảo hiểm xã hội và hàng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật Bảo hiểm xã hội để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Nguyên đơn xác định về nghĩa vụ đóng các khoản bảo hiểm của nguyên đơn trong giai đoạn từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018 đã được Công ty trích

từ tiền lương của nguyên đơn; sau khi trừ các khoản nghĩa vụ đóng bảo hiểm của nguyên đơn, Công ty đã thanh toán tiền lương các tháng trên cho nguyên đơn; nhưng Công ty chưa thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cho cơ quan Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân. Việc Công đã trích thu các khoản tiền bảo hiểm từ tiền lương của nguyên đơn nhưng chưa nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội là vi phạm nghiêm trọng quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn.

Tại Văn bản số 193/CV-BHXH và Bảng tính số tiền phải đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ cùng ngày 05/9/2018 của Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân, xác định: Mức lương cơ bản hàng tháng nguyên đơn nhận từ tháng 6/2017 đến tháng 12/2017 là 4.213.000 đồng/tháng; mức lương tháng 01/2018 là 4.472.000 đồng/tháng và Công ty còn nợ nghĩa vụ đóng các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho nguyên đơn trong giai đoạn từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018, với số tiền nợ gốc là 9.108.706 đồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ bảo hiểm trong giai đoạn từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018, với số tiền 9.108.706 đồng là phù hợp và đúng với quy định tại khoản 1 Điều 19 và Điều 21 của Bộ luật lao động; khoản 1, 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội.

Xét yêu cầu thanh toán 70% lương ngừng việc trong tháng 10/2017: Nguyên đơn xác định trong tháng 10/2017 do Công ty không có công việc nên đã thỏa thuận với tất cả công nhân trả 70% lương ngừng việc trong những ngày không được làm việc; nguyên đơn cung cấp bảng tính lương ngừng việc để làm căn cứ yêu cầu nguyên đơn thanh toán 70% lương của 14 ngày công không có việc làm. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về vấn đề có hay không sự thỏa thuận trên, về bảng tính lương ngừng việc do nguyên đơn cung cấp, cũng như số ngày công nguyên đơn không có việc làm. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận trên phù hợp với quy định tại Điều 98 Bộ luật lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 26 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động năm 2012. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán 70% tiền lương của 14 ngày công ngừng việc với số tiền 1.587.977 đồng.

Xét yêu cầu thanh toán 08 ngày công làm việc trong tháng 02/2018 bao gồm tiền lương, tăng ca và phụ cấp: Nguyên đơn căn cứ vào mức lương 4.472.000 đồng/tháng để tính các khoản trên, mức lương này đúng với mức lương Bảo hiểm xã hội cung cấp nên yêu cầu này phù hợp với quy định tại Nghị định 141/2017/NĐ-CP ngày 07/12/2017 của Chính Phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Mặt khác, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về bảng tính lương tháng 02/2018 do nguyên đơn cung cấp, cũng như số ngày công và các khoản phụ cấp mà nguyên đơn yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán các khoản tiền trong tháng 02/2018 là 2.365.073 đồng.

Xét yêu cầu thanh toán 16 ngày tiền phép năm: Trong nội dung của thỏa ước lao động tập thể có quy định: 01 năm làm việc thì được nghỉ 14 ngày phép, và cứ 5 năm làm việc liên tục được hưởng thêm 1 ngày phép, nội dung này phù hợp với Điều 114 Bộ luật lao động năm 2012 và khoản 3 Điều 26 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động năm 2012. Theo lịch sử đóng bảo hiểm tại sổ đóng bảo hiểm xã hội của nguyên đơn thể hiện Công ty đã đóng bảo hiểm cho nguyên đơn liên tục từ tháng 01/2005 đến tháng 5/2017, như vậy thời gian nguyên đơn làm việc tại Công ty trên 10 năm. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc thanh toán 16 ngày tiền phép năm với số tiền 2.592.615 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu thanh toán tiền thưởng của năm 2017: Căn cứ vào thỏa ước lao động tập thể có quy định về tiền thưởng, nếu người lao động làm việc đủ 01 năm sẽ được thưởng 01 tháng lương vào dịp Tết nguyên đán. Công ty không còn hoạt động sau ngày 12/02/2018 vào thời điểm tết nguyên đán và nguyên đơn đã làm việc tại Công ty trên 01 năm. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc được hưởng tiền thưởng của năm 2017 là 01 tháng lương với số tiền 4.213.000 đồng là phù hợp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

6- Về án phí lao động sơ thẩm :

Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nên phải chịu án phí theo quy định với số tiền 596.021 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 22; Điều 90; Điều 98; Điều 103; Điều 111 và Điều 114 của Bộ luật lao động;

Căn cứ vào Điều 21, khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội 2014;

Căn cứ vào Điều 24 và Điều 26 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Ngô Thị T.

1.1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn B phải thực hiện nghĩa vụ truy nộp các khoản tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cho Bà Ngô Thị T trong giai đoạn từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018, với số tiền nợ gốc là 9.108.706đ (chín triệu, một trăm lẻ tám nghìn, bảy trăm lẻ sáu đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật. Việc nộp các khoản tiền trên được thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế.

Ngoài ra, Công ty Trách nhiệm hữu hạn B còn chịu tiền lãi trên số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chưa đóng, chậm đóng theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế.

1.2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn B phải thanh toán cho Bà Ngô Thị T tổng số tiền 10.758.665đ (mười triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm sáu mươi lăm đồng), bao gồm: 70% tiền lương của số ngày công không có việc làm trong tháng 10/2017 với số tiền: 1.587.977đ (một triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm bảy mươi bảy đồng); 08 ngày công làm việc trong tháng 02/2018 với số tiền 2.365.073đ (hai triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi ba đồng); 16 ngày tiền phép năm của năm 2017 với số tiền 2.592.615đ (hai triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm mười lăm đồng); tiền thưởng của năm 2017 là 4.213.000đ (bốn triệu, hai trăm mười ba nghìn đồng); việc thanh toán được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả thêm một khoản tiền ít nhất bằng số tiền trả chậm nhân với lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của ngân hàng thương mại, nơi bị đơn mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi trả và chốt sổ bảo hiểm xã hội của nguyên đơn.

3. Về án phí : Công ty Trách nhiệm hữu hạn B phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 596.021đ (năm trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi mốt đồng).

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận BìnhTân;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Em